TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/LĐ-ST
Ngày: 04-3-2026
"V/v Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Triệu và bà Lê Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 N 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2026/TLST-LĐ ngày 20 tháng 01 N 2026 về việc: "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-LĐ ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ dân phố K, phường N, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần than M-Vinacomin

Địa chỉ: tổ B, khu B, phường M, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lương Thanh C là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty cổ phần than M-Vinacomin). Ông Ngô Xuân T, phó Giám đốc Công ty, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền số 112/UQ-TMD ngày 06/02/2026), vắng mặt (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Q

Địa chỉ: số H, đường H tháng T, phường H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Minh Đ là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Q). Ông Nguyễn Huy T là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 131/UQ - BHXH ngày 05/8/2025), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Đỗ Nhật N, sinh N 1972 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Nhật N: cụ Nguyễn Thị K, sinh N 1935 (mẹ đẻ của ông N); bà Nguyễn Thị H, sinh N 1976 (vợ của ông N); cháu Đỗ Phương A, sinh N 2010 (con gái của ông N); cùng nơi cư trú: tổ dân phố D, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền

và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Nhật N là cụ Nguyễn Thị K (giấy ủy quyền ngày 22/01/2026) đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Phương A: bà Nguyễn Thị H, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ dân phố D, phường N, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Năm 2003 ông biết được thông tin Công ty than M (sau đổi thành Công ty cổ phần than M-Vinacomin) có tuyển dụng công nhân khai thác hầm lò, nhưng do chưa học hết cấp ba (trung học phổ thông) nên ông đã mượn và được ông Đỗ Nhật N, sinh ngày 20/11/1972 (là người quen cùng quê) đồng ý cho mượn và sử dụng toàn bộ giấy tờ cá nhân của ông N để nộp hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 08/10/2003 với Công ty và làm việc ổn định đến tháng 07/2024. Sau đó, nhận thấy việc mượn giấy tờ của mình như trên là không đúng quy định pháp luật nên ông đã làm việc với Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 12/7/2024, ông và Công ty đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 18/01/2025, ông N chết, được cấp trích lục khai tử theo quy định pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho ông và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N, ông đề nghị Toà án giải quyết: tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 08/10/2003 giữa ông Đỗ Nhật N với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), (thực tế do ông Nguyễn Văn Đ ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định pháp luật. Ông tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại bản tự khai, bị đơn Công ty cổ phần than M-Vinacomin trình bày:

Công ty đã ký kết hợp đồng lao động với ông Đỗ Nhật N (thực tế là ông Nguyễn Văn Đ sử dụng giấy tờ mang tên ông N) và thực hiện trích đóng bảo hiểm từ tháng 10 năm 2003 cho ông N. Đến ngày 12/7/2024, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông N theo Quyết định số 2737/QĐ-TMD và đã thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc, bàn giao sổ bảo hiểm và các giấy tờ liên quan cho người lao động đúng theo quy định pháp luật.

Bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để nguyên đơn giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo luật định; đồng thời, đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh trình bày:

Ông Đỗ Nhật N, sinh ngày xx/xx/xxxx, được cấp sổ bảo hiểm xã hội (BHXH) số 2004001904, có thời gian đóng BHXH từ tháng 10/2003 đến tháng 6/2024 là 19 N 10 tháng tại Công ty cổ phần than M, do BHXH tỉnh Quảng Ninh trực tiếp quản lý thu.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Q đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Nhật N trình bày: toàn bộ quá trình về việc ông Đ mượn giấy tờ cá nhân của ông N để ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty than M gia đình đã được nghe ông N khi còn sống nói chuyện, nội dung tương tự như ông Đ đã trình bày. Nay ông N đã chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, vì việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu không ảnh hưởng đến quyền

lợi của ông N cũng như những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N, nên không có yêu cầu gì và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 132 Bộ luật Dân sự N 2005, Điều 127 Bộ luật Dân sự N 2015; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Đỗ Nhật N với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin) ngày 10/8/2003 (thực tế do ông Nguyễn Văn Đ ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Đ có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 10/8/2003 giữa ông Đỗ Nhật N với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), (thực tế do ông Nguyễn Văn Đ ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty cổ phần than M-Vinacomin có trụ sở tại phường M, tỉnh Quảng Ninh. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về lao động và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh, theo khoản 5 Điều 32, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ lời khai, trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện: ông Nguyễn Văn Đ đã mượn bằng tốt nghiệp phổ thông trung học và giấy tờ cá nhân của ông Đỗ Nhật N, sinh ngày 20/11/1972 để ký hợp đồng lao động ngày 10/8/2003 với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), vào làm việc tại Công ty và được đóng bảo hiểm xã hội mã số 2004001904 từ tháng 10/2003 đến tháng 06/2024, là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; nguyên tắc trung thực, nghĩa vụ cung cấp thông tin khi xác lập

quan hệ lao động quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Đỗ Nhật N với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), (thực tế do ông Nguyễn Văn Đ ký) là vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50 Bộ luật Lao động N 2019; Điều 132 Bộ luật Dân sự N 2005; Điều 127 Bộ luật Dân sự N 2015, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: ông Nguyễn Văn Đ không trung thực khi ký kết hợp đồng lao động với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), nhưng trên thực tế ông Đ có làm việc tại Công ty, được cấp sổ BHXH 2004001904, có thời gian đóng BHXH từ tháng 10/2003 đến tháng 6/2024 là 19 N 10 tháng tại Công ty cổ phần than M, do BHXH tỉnh Quảng Ninh trực tiếp quản lý thu, dưới tên Đỗ Nhật N. Ngày 12/7/2024, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông N (thực tế là với ông Đ), theo Quyết định số 2737/QĐ-TMD và đã thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc, bàn giao sổ bảo hiểm và các giấy tờ liên quan theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động N 2019; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của ông Nguyễn Văn Đ được tính kể từ khi bắt đầu làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu. Do đó, ông Nguyễn Văn Đ có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh tên Đỗ Nhật N, sinh ngày 20/11/1972 trên số sổ bảo hiểm 2004001904 thành tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/5/1977 theo quy định.

Đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Nhật N không có yêu cầu gì, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự N 2005, Điều 127 Bộ luật Dân sự N 2015; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động N 2019; Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ:

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 10/8/2003 giữa ông Đỗ Nhật N với Công ty than M (nay là Công ty cổ phần than M-Vinacomin), (thực tế do ông Nguyễn Văn Đ ký) là vô hiệu.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin nhân thân tại sổ bảo hiểm số 2004001904 từ tên Đỗ Nhật N, sinh ngày 20/11/1972 thành tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/5/1977, căn cước công dân số

027077013507 do Bộ Công an cấp ngày 19/11/2025 và có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn Đ chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000xxx ngày xx/xx/xxxx và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000xxx ngày xx/xx/xxxx (điều chỉnh cho biên lai Mẫu số C21-THADS, số 0000xxx ngày xx/xx/xxxx, theo Công văn số 70/CV-THA ngày 30/01/2026 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Q), đều của Thi hành án dân tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Đông

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Quảng Ninh
- Phòng THADS khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.